

Số: 1005/TCT-CS
V/v thực hiện Thông tư số
153/2010/TT-BTC.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Kính gửi: Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tổng cục Thuế nhận được công văn và ý kiến của một số Cục thuế nêu vướng mắc trong việc thực hiện Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính. Trên cơ sở quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và hướng dẫn tại Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ (Thông tư 153), Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Câu hỏi 1: Theo hướng dẫn tại Thông tư 153, doanh nghiệp được tiếp tục sử dụng hóa đơn Bộ Tài chính hoặc hóa đơn đặt in (tự in) của doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư số 120/2002/TT-BTC ngày 30/12/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 89/2002/NĐ-CP của Chính phủ đến hết ngày 31/3/2011, tuy nhiên, doanh nghiệp phải đăng ký với cơ quan thuế theo bảng kê 3.12 chậm nhất là ngày 20/1/2011.

Trường hợp doanh nghiệp gửi bảng kê đăng ký tiếp tục sử dụng hóa đơn cho cơ quan thuế sau ngày 20/1/2011 thì có chấp thuận không và có bị xử phạt hay không? Nếu doanh nghiệp không đăng ký tiếp tục sử dụng nhưng phát hiện vẫn tiếp tục sử dụng hóa đơn thì xử lý như thế nào?

Trả lời:

Về việc tiếp nhận bảng kê tồn hoá đơn từ doanh nghiệp của các Cục Thuế, Tổng cục Thuế có công văn số 283/TCT-CS ngày 21/1/2011 yêu cầu các Cục Thuế:

“Trường hợp những ngày cao điểm, số lượng doanh nghiệp đến giao dịch với cơ quan thuế lớn, cơ quan thuế cần tăng cường cán bộ từ nhiều bộ phận khác nhau của cơ quan thuế để tổ chức tiếp nhận hồ sơ khai thuế, bảng kê tồn hóa đơn của các doanh nghiệp. Cục Thuế có thể tổ chức thành nhiều điểm tiếp nhận khác nhau để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp trong việc nộp hồ sơ khai thuế, bảng kê tồn hóa đơn”.

Về việc xử lý các trường hợp nộp bảng kê tồn hoá đơn (mẫu số 3.12 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 153) chậm sau ngày 20/1/2011, chấp thuận để các doanh nghiệp được tiếp tục sử dụng số hoá đơn tồn đến hết ngày 31/3/2011 và không xử phạt chậm nộp. Đề nghị các Cục Thuế bố trí cán bộ vẫn tiếp nhận

và nhập thông tin về hoá đơn tồn từ các bảng kê này theo hướng dẫn tại công văn số 99/TCT-TVQT ngày 7/01/2011 của Tổng cục Thuế.

Câu hỏi 2: Hóa đơn tự in (đặt in) theo Thông tư số 120/2002/TT-BTC ngày 30/12/2002 hướng dẫn thi hành Nghị định số 89/2002/NĐ-CP ngày 7/11/2002 của Chính phủ doanh nghiệp còn tồn sau ngày 31/3/2011, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục sử dụng hóa đơn thì thực hiện thông báo phát hành hóa đơn theo hướng dẫn tại Thông tư 153 thì có vướng mắc là doanh nghiệp không có hóa đơn mẫu để niêm yết tại các cơ sở bán hàng.

Trả lời:

Tại công văn số 15364/BTC-TCT ngày 12/11/2010 và công văn số 17716/BTC-TCT ngày 17/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

Đối với trường hợp doanh nghiệp đã tự in (đặt in) hóa đơn **trước và trong năm 2010** với số lượng lớn (hóa đơn tự in theo quy định tại Nghị định số 89/2002/NĐ-CP, Thông tư số 120/2002/TT-BTC), đến hết ngày 31/3/2011 doanh nghiệp vẫn chưa sử dụng hết hóa đơn đã tự in (đặt in) trước năm 2010 và doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì đề nghị Cục thuế rà soát trong Quý I/2011, nếu mẫu hóa đơn doanh nghiệp đã tự in (đặt in) trước năm 2010 vẫn đủ các tiêu thức bắt buộc như (tên loại hóa đơn; số thứ tự; tên, địa chỉ, mã số thuế người bán; tên, địa chỉ, mã số thuế người mua; tên hàng hóa, dịch vụ; đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ thành tiền ghi bằng số và bằng chữ; người mua, người bán ký và ghi rõ họ tên, dấu người bán (nếu có) và ngày, tháng, năm lập hóa đơn; tên tổ chức nhận in hóa đơn) theo quy định tại Thông tư số 153/2010/TT-BTC thì Cục thuế đề nghị doanh nghiệp thực hiện Thông báo phát hành hóa đơn theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 153/2010/TT-BTC để tiếp tục sử dụng.

Tại khoản 3, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 153/2010/TT-BTC hướng dẫn:

“3. Hóa đơn mẫu là bản in thể hiện đúng, đủ các tiêu thức trên liên của hóa đơn giao cho người mua loại được phát hành, có số hóa đơn là một dãy các chữ số 0 và in hoặc đóng chữ “Mẫu” trên tờ hóa đơn.

4. Thông báo phát hành hóa đơn phải được gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh bắt đầu sử dụng hóa đơn và trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ký thông báo phát hành. Thông báo phát hành hóa đơn gồm cả hoá đơn mẫu phải được niêm yết rõ ràng ngay tại các cơ sở sử dụng hóa đơn để bán hàng hóa, dịch vụ trong suốt thời gian sử dụng hóa đơn”.

Căn cứ hướng dẫn trên, doanh nghiệp phải niêm yết hóa đơn mẫu tại các cơ sở sử dụng hóa đơn. Đối với hóa đơn doanh nghiệp tự in (đặt in) theo Thông tư số 120/2002/TT-BTC còn tồn sau ngày 31/3/2011, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục sử dụng hóa đơn, sau khi Cục thuế rà soát thì thực hiện thông báo phát hành hóa đơn theo hướng dẫn tại Thông tư số 153/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính. Trường hợp không có hóa đơn mẫu để niêm yết tại các cơ sở sử dụng hóa

đơn, doanh nghiệp được dùng một số số hóa đơn có số thứ tự đã có số nhảy in sẵn, gạch bỏ số thứ tự đã in sẵn và đóng chữ “Mẫu” để làm hóa đơn mẫu. Các hóa đơn dùng làm hóa đơn mẫu khi báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn quý, doanh nghiệp kê khai vào cột “xóa bỏ”.

Câu hỏi 3: Mẫu hóa đơn của các ngân hàng, tổ chức tín dụng có tính đặc thù thì thực hiện như thế nào?

Trả lời:

1. Về loại, hình thức, nội dung hoá đơn

Tại khoản 2đ Điều 3 Thông tư 153 hướng dẫn về các loại hóa đơn:

“đ) Phiếu thu tiền cước vận chuyển hàng không; chứng từ thu cước phí vận tải quốc tế; chứng từ thu phí dịch vụ ngân hàng..., hình thức và nội dung được lập theo thông lệ quốc tế và các quy định của pháp luật có liên quan.”

Tại khoản 1a Điều 4 Thông tư 153 hướng dẫn:

“a) Tên loại hoá đơn

Tên loại hóa đơn thể hiện trên mỗi tờ hoá đơn. Ví dụ: HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG, HÓA ĐƠN BÁN HÀNG...

Trường hợp hoá đơn còn dùng như một chứng từ cụ thể cho công tác hạch toán kế toán hoặc bán hàng thì có thể đặt thêm tên khác kèm theo, nhưng phải ghi sau tên loại hoá đơn với cỡ chữ nhỏ hơn hoặc ghi trong ngoặc đơn.”

Căn cứ theo hướng dẫn nêu trên, trường hợp các chứng từ thu phí trong hoạt động dịch vụ của các ngân hàng, tổ chức tín dụng là các chứng từ giao dịch được in từ trong hệ thống và các nội dung phù hợp với thông lệ quốc tế (thông tin giao dịch, thông tin phí đã được xây dựng trong chương trình giao dịch, khi hoàn thành giao dịch chứng từ hiển thị nội dung giao dịch, các tiêu chí cần thiết theo quy định của chế độ chứng từ, thông tin về thuế (số tiền giao dịch, thuế suất, tiền thuế GTGT, tổng số tiền thanh toán thực hiện phát sinh thu phí dịch vụ) đã hiển thị đầy đủ trên chứng từ, trên mỗi một chứng từ có một tham chiếu giao dịch xác định đảm bảo tính duy nhất trong toàn hệ thống, đáp ứng được yêu cầu quản lý và phù hợp với mục tiêu tăng cường sự chủ động cho doanh nghiệp) thì các Ngân hàng, Tổ chức tín dụng được sử dụng chứng từ giao dịch hiện hành kèm hoá đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng với tên gọi “Chứng từ giao dịch”.

Trường hợp các mẫu chứng từ giao dịch được sử dụng cho kinh doanh dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đã được cơ quan thuế chấp thuận trước 01/01/2011 thì các ngân hàng, tổ chức tín dụng được tiếp tục sử dụng những chứng từ này để phục vụ hoạt động kinh doanh của mình.

2. Số liên hóa đơn

Tại Điểm 4 công văn số 17716/BTC-TCT ngày 27/12/2010 của Bộ Tài chính đã hướng dẫn: “Trường hợp do đặc điểm hoạt động kinh doanh, nhu cầu

sử dụng thực tế, mỗi số hóa đơn của doanh nghiệp có nhiều hơn 9 liên thì cũng được chấp thuận. Bộ Tài chính giao Cục thuế xem xét và có văn bản chấp thuận hóa đơn có nhiều hơn 9 liên theo đề nghị của doanh nghiệp.”

Căn cứ hướng dẫn trên, ngân hàng, tổ chức tín dụng sử dụng liên 1 hóa đơn để lưu, liên 2 hóa đơn để giao cho người mua và sử dụng các liên khác để phục vụ hoạt động kinh doanh của mình.

3. Phát hành hoá đơn

Trường hợp các ngân hàng, tổ chức tín dụng và các chi nhánh ngân hàng, tổ chức tín dụng sử dụng chứng từ giao dịch kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ thì ngân hàng, tổ chức tín dụng chỉ cần gửi thông báo phát hành hóa đơn kèm theo hóa đơn mẫu tới cơ quan thuế quản lý, đăng ký cấu trúc tạo số hóa đơn, không phải đăng ký trước số lượng hóa đơn phát hành.

4. Bán hàng hóa, dịch vụ không bắt buộc phải lập hoá đơn.

Tại Khoản 2a Điều 14 Thông tư 153 hướng dẫn:

“Trường hợp bán xăng dầu tại các cửa hàng bán lẻ cho người mua thường xuyên là tổ chức, cá nhân kinh doanh; cung cấp dịch vụ ngân hàng, chứng khoán, ngày lập hoá đơn thực hiện định kỳ theo hợp đồng giữa hai bên kèm bảng kê hoặc chứng từ khác có xác nhận của hai bên, nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng phát sinh hoạt động mua bán hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ.”

Tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 16 Thông tư 153 hướng dẫn:

“1. Bán hàng hoá, dịch vụ có tổng giá thanh toán dưới 200.000 đồng mỗi lần thì không phải lập hóa đơn, trừ trường hợp người mua yêu cầu lập và giao hóa đơn.

2. Khi bán hàng hóa, dịch vụ không phải lập hóa đơn hướng dẫn tại khoản 1 Điều này, người bán phải lập Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ. Bảng kê phải có tên, mã số thuế và địa chỉ của người bán, tên hàng hoá, dịch vụ, giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra, ngày lập, tên và chữ ký người lập Bảng kê. Trường hợp người bán nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì Bảng kê bán lẻ phải có tiêu thức “thuế suất giá trị gia tăng” và “tiền thuế giá trị gia tăng”. Hàng hoá, dịch vụ bán ra ghi trên Bảng kê theo thứ tự bán hàng trong ngày (mẫu số 5.7 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này).”

Căn cứ theo hướng dẫn nêu trên, khi bán hàng hóa, dịch vụ có tổng giá thanh toán dưới 200.000 đồng mỗi lần thì không phải lập hóa đơn nhưng phải lập Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ. Tuy nhiên, nếu ngân hàng, tổ chức tín dụng có hệ thống hạch toán, quản lý dữ liệu tập trung, cung cấp thông tin chi tiết đến từng giao dịch thì khi thu phí dịch vụ (thu phí dịch vụ ATM, dịch vụ SMS...) ngoài những dịch vụ được hướng dẫn tại điểm 1 trả lời câu hỏi này có giá trị dưới 200.000 đồng, ngân hàng, tổ chức tín dụng được lưu nội dung thông tin các giao dịch trên hệ thống, không phải in bảng kê bán lẻ hàng ngày đối với

các dịch vụ trên. Ngân hàng, tổ chức tín dụng phải chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung thông tin của các giao dịch và cung cấp bảng kê, chứng từ hạch toán thuế khi cơ quan chức năng yêu cầu.

Tổng cục Thuế hướng dẫn và trả lời để Cục Thuế các tỉnh, thành phố được biết, thực hiện và thông báo nội dung trả lời của Tổng cục Thuế đến từng doanh nghiệp để các doanh nghiệp biết./.

Nơi nhận:

- Như trên; *AN*
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Vụ CST, PC (BTC);
- Các Vụ, đơn vị của TCT;
- Lưu: VT, CS (3b) *AN*

TỔNG CỤC TRƯỞNG



[Handwritten Signature]

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

095700009